

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/DSPT

Ngày 02 - 02 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Ông Trần Duy Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/2023/TLPT- DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cư M'Gar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 493/2023/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐ-PT ngày 19/01/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Dương Thủy C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

2. **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà A, đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N; chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

3.2. Ông Trần Văn C1, sinh năm 1972 (Có mặt);

3.3. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1973 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà A, đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

3.4. Ông Lý Phụ A, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3.5. Anh Đàm Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

3.6. Ông Lý Hữu P, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3.7. Bà Lý Thị P1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

3.8. Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

4. *Người làm chứng:* Ông Y Y1 Niê Kđăm (Ama D), sinh năm 1955; địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. *Người kháng cáo:* Bà Dương Thủy C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Dương Thủy C trình bày:***

Năm 1996, gia đình bà C mua được đất rẫy và rừng của hộ ông Y H1 Niê (hiện nay đã chết), tổng diện tích là 28ha ở Tiểu khu C, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk do Lâm trường C quản lý, với số tiền 02 cây vàng 97 là số tiền gia đình bà C đã bán toàn bộ tài sản ở miền Bắc để vào miền Nam sinh sống. Năm 2010, bà C sai phạm bị xử phạt và đi chấp hành án 03 năm tù. Đến năm 2013, bà C chấp hành xong hình phạt trở về, phát hiện bà Hoàng Thị L canh tác đất rẫy của bà C. Khi bà C chưa đi tù thì có nhiều hộ gia đình có mượn đất của bà C để canh tác và mọi người đã trả lại cho bà C chỉ có bà Hoàng Thị L là không chịu trả lại đất cho bà C vì bà L cho rằng bà L mua của một người Dao. Bà C có cho bà L làm thêm vài năm nữa bà C sẽ lấy lại số đất đó. Tổng diện tích đất tranh chấp là khoảng 06 sào (6.000m²), có tứ cận: phía Tây giáp đường 12m, giáp rẫy ông C1; phía Nam giáp rẫy bà Hoàng Thị H1 là 80m; phía Bắc là 76m; phía Đông là 80m. Khoảng tháng 4, tháng 5 âm lịch năm 2020, bà C đã hỗ trợ cho bà L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với điều kiện bà L không được chặt phá cây cối, hoa màu trên đất và cho bà L làm thêm 02 năm nữa sẽ lấy lại đất, bà L đã đồng ý nhận tiền. Nay đất đai có giá trị, bà L nảy lòng tham bán cho người khác.

“Giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996” là do ông Ama D viết và ký xác nhận. Dòng chữ “Y H1 NIÊ” tại góc phải giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996 là do ông Ama D viết vì ông Y H1 Niê không biết chữ, không viết được và có yêu cầu ông Ama D viết. Tại thời điểm ông Ama D viết thì ông Ama D đang làm Thôn phó và Công an thôn 2, buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tại thời điểm bà C nhận chuyển nhượng 28 ha đất của ông Y H1 thì Lâm trường C còn hoạt động. Lâm trường C không biết việc ông Y H1 Nie chuyển nhượng đất cho bà C. Ông Y H1 Nie đã giao cho bà C giữ bản chính hồ sơ giao đất giao rừng khoán quản lý bảo vệ lô c, đ, d (13), khoảnh 7, tiểu khu C, chủ hộ Y H1 Nie, địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C năm 1994 và Bản đồ giao rừng QLBV Tiểu khu 344.

Vì vậy, bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Hoàng Thị L trả lại diện tích đất nêu trên cho bà C. Ngày 31 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn bà Dương Thủy C có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung buộc bà Hoàng Thị L phải trả lại cho bà Dương Thủy C diện tích đất 7032,8m² thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 theo số liệu đo đạc ngày 30/8/2023.

**** Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Hoàng Thị L là ông Trần Văn C1 trình bày:***

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nguồn gốc thửa đất, năm 2011 gia đình bà Hoàng Thị L mua của vợ chồng ông Lý Hữu P và bà Lý Thị P1 (viết tắt vợ chồng ông P), với số tiền 32.000.000 đồng, địa chỉ thửa đất: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tại thời điểm thỏa thuận mua thì các bên không tiến hành đo đạc nên không biết diện tích chính xác là bao nhiêu. Diện tích đất bà L mua sát bên đất của bà C, đất của bà C vẫn còn rừng chưa khai thác. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất đã trồng cây Điều đến năm 2021 bà C tranh chấp. Năm 2020, bà C còn mua lại đất rẫy của bà L với số tiền 15.000.000 đồng, không đo đất và không đòi hỏi làm giấy tờ, bà C còn muốn đổi rẫy với bà L để lấy rẫy trồng Điều và đổi cho bà L đất rẫy trồng cà Phê nhưng bà L không đồng ý đổi. Năm 2021, bà L có sang lại cho vợ chồng ông Trần Văn C1, bà Lê Thị L1 (viết tắt vợ chồng ông C1) diện tích đất rẫy đang tranh chấp với bà C.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1 trình bày:***

Ngày 09/01/2022, vợ chồng ông C1 có mua của bà Hoàng Thị L và anh Đàm Văn H mảnh đất rẫy trồng Điều, diện tích 14.000m² thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà H3, phía Tây giáp đường lô, phía Nam giáp đường, phía Bắc giáp đất bà C. Qua kiểm tra thông tin địa chính xã E cung cấp thửa đất trên bà Hoàng Thị L đã đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông C1 với bà L, anh H đã xác lập Hợp đồng sang nhượng đất viết tay, chưa công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền vì đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), vợ chồng ông C1 đã giao đủ tiền, bà L và anh H đã giao đất cho vợ chồng ông C1 quản lý, sử dụng. Ông C1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà L cũng như gia đình ông C1.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L1 trình bày:***

Bà Lê Thị L1 là vợ của ông C1. Bà L1 đồng ý với ý kiến của ông C1 và không trình bày gì thêm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Phụ A trình bày:**

Ông Lý Phụ A không có mối quan hệ gì với bà Hoàng Thị L và bà Dương Thủy C. Năm 2001, ông A có phát dọn một thửa đất đồi tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Hiện trạng đất tại thời điểm đó là đất rừng, không có ai quản lý, sử dụng, ông A không đo nên không biết diện tích đất bao nhiêu; đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất đồi, phía Tây giáp đất ông Đ, phía Nam giáp đất ông T1 và bà H4, phía Bắc giáp đất ông L2, ông P2. Năm 2003, ông A ươm cây Điều và trồng trên đất, ông A không đếm nên không biết bao nhiêu cây. Đến 2006, vợ chồng ông P là cháu của ông A từ huyện B, tỉnh Bắc Cạn đến nhà ông A ở nhờ, ở được 01 năm, ông A thấy vợ chồng ông P không có đất để canh tác nên năm 2007 ông A đã cho vợ chồng ông P thửa đất nêu trên, ông A chỉ cho bằng miệng, hai bên không lập giấy tờ tặng cho, tại thời điểm tặng cho đất ông A chưa kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Ông A quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 2001 đến năm 2006 không có ai tranh chấp.

Đến năm 2011, vợ chồng ông P đến nhà ông A hỏi ý kiến của ông A về việc có bà L ở thôn B, xã E, huyện C hỏi mua diện tích đất ông A đã cho vợ chồng ông P. Ông A trả lời, đất ông A đã cho vợ chồng ông P, vợ chồng ông P bán thì bán. Sau đó thì vợ chồng ông P đã chuyển nhượng cho bà L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Hữu P trình bày:**

Ông Lý Hữu P với bà Lý Thị P1 có mối quan hệ vợ chồng. Ông P không có mối quan hệ gì với bà Hoàng Thị L, bà Dương Thủy C, còn ông Lý Phụ A là chú họ của ông P.

Ông P không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị L mà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con bà L là ông Đàm Văn H. Về nguồn gốc đất, vợ chồng ông P được ông Lý Phụ A cho từ năm 2007. Ông A cho vợ chồng ông P bằng miệng, không có viết giấy tờ gì. Tại thời điểm ông A cho đất vợ chồng ông P thì đất chưa được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông P với ông Đàm Văn H chuyển nhượng bằng giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền. “*Giấy nhượng lại Dãy ngày 19 tháng 3 âm lịch 2011*” là do ông Nguyễn Văn V, địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk viết và ký phía dưới giấy với tư cách là người làm chứng. Theo “*Giấy nhượng lại Dãy đề ngày 19 tháng 3 âm lịch 2011*” chỉ thể hiện họ tên người chuyển nhượng, còn địa chỉ của người nhận chuyển nhượng không thể hiện, có tứ cận, có quyền, nghĩa vụ các bên, tình trạng đất nhưng không thể hiện loại đất, hạng đất, diện tích, vị trí, số hiệu, ranh giới đất. Về diện tích đất tại thời điểm chuyển nhượng các bên không đo đạc nên không biết diện tích bao nhiêu. Tại thời điểm chuyển nhượng vợ chồng ông P có chỉ đất cho bên nhận chuyển nhượng. Tại thời điểm vợ chồng ông P chuyển nhượng đất cho ông Đàm Văn H trên đất có trồng cây Điều từ năm 2003, trồng hết đất nhưng bao nhiêu cây thì vợ chồng ông P không biết. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng

đất là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), bà Hoàng Thị L là người trực tiếp giao tiền cho vợ chồng ông P. Vợ chồng ông P đã giao đất cho bà Hoàng Thị L và ông Đàm Văn H. Quá trình quản lý và sử dụng đất, vợ chồng ông P không có tranh chấp với ai.

Vợ chồng ông P đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn H, hiện nay vợ chồng ông P không có liên quan gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị P1 trình bày:***

Bà Lý Thị P1 là vợ của ông Lý Hữu P, bà P1 không có mối quan hệ gì với bà Hoàng Thị L và bà Dương Thủy C.

Bà P1 đồng ý với trình bày của ông P và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

**** Người làm chứng ông Y Y1 Niê Kđăm (Tên gọi khác Ama D) trình bày:***

Ông Y Y1 Niê Kđăm với ông Y H1 Niê có mối quan hệ họ hàng. Ông Y Y1 Niê Kđăm với bà Dương Thủy C trước đây là người trong buôn nên có quen biết. Còn bà Hoàng Thị L thì ông Y Y1 Niê Kđăm không quen biết.

Ông Y H1 Niê đã chết từ năm 2004. Trước khi chết ông Y H1 Niê có cư trú tại Buôn C (nay là buôn E), xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông Y Y1 Niê Kđăm là người được ông Y H1 Niê nhờ viết “giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996” vì ông Y H1 Niê đã cao tuổi, tay run nên không viết được. Ông Y Y1 Niê Kđăm viết theo ý chỉ của các bên sang nhượng. Dòng chữ “Ama D” tại góc trái giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996 là do ông Y Y1 Niê Kđăm ký tên nhằm mục đích làm chứng cho việc mua bán giữa các bên và cũng nhằm mục đích xác nhận đại diện cho chính quyền địa phương vì tại thời điểm đó ông Y Y1 Niê Kđăm là Phó ban tự quản Buôn C (hiện nay là buôn E). “Ama Dú” là tên thường gọi của ông Y Y1 Niê Kđăm, tại thời điểm đó ông Y Y1 Niê Kđăm thường ký tên thường gọi vào các giấy tờ. Dòng chữ “Y H1 NIÊ” tại góc phải giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996 ông Y Y1 Niê Kđăm không nhớ ai là người viết do thời gian đã quá lâu. Bà C và ông T không ký vào “giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996”, lý do vì sao bà C và ông T không ký vào giấy thì ông Y Y1 Niê Kđăm không nhớ. Nguồn gốc đất ông Y H1 Niê sang nhượng cho bà C và ông T là đất của Lâm trường C. Tại thời điểm ông Y H1 Niê sang nhượng cho bà C và ông T thì Lâm trường C không biết. Ông Y Y1 Niê Kđăm không biết ranh giới đất ông Y H1 Niê sang nhượng cho bà C nên ông Y Y1 Niê Kđăm không biết diện tích đất tranh chấp giữa bà C và bà L có nằm trong diện tích đất ông Y H1 Niê sang nhượng cho bà C hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CưM’Gar đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thủy C về việc yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 7.032,8 m² thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2023, nguyên đơn bà Dương Thủy C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thủy C – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện CuM'Gar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Thủy C kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thủy C đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc đất: Phần diện tích đất các bên tranh chấp theo kết quả đo đạc giải thửa năm 2016 là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà C, phía Tây giáp đất ông C1, phía Bắc giáp bờ mương, phía Nam giáp bờ mương, có nguồn gốc là đất rừng thuộc sự quản lý của Lâm trường C (nay đã giải thể). Ngày 28/5/1994 Lâm

trường C ký Hợp đồng kinh tế giao khoán rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ rừng sản xuất kinh doanh số 16 với ông Y H1 Niê, giao cho ông Y H1 Niê được canh tác sử dụng 28 ha đất trong đó có diện tích đất nêu trên. Biên bản bàn giao rừng và đất rừng để quản lý bảo vệ rừng ngày 28/5/1994 giữa Lâm trường C với ông Y H1 Niê thể hiện thời gian nhận rừng là 20 năm, kể từ ngày nhận bàn giao rừng 1/6/1994, ông Y H1 Niê có trách nhiệm trước Lâm trường và Nhà nước quản lý, bảo vệ rừng. Hiện nay, diện tích đất trên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Dương Thủy C cho rằng diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc ngày 30/8/2023 là 7.032,8m² nằm trong tổng diện tích đất 28 ha do vợ chồng bà C nhận chuyển nhượng của ông Y H1 Niê từ năm 1996, có lập giấy viết tay chỉ có xác nhận của ông Ama D nguyên là Phó ban tự quản Buôn C. Xét thấy, trong Giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996 bà C và ông Ama D đều thừa nhận chữ viết “Y H1 Niê” không phải do ông Y H1 Niê viết. Theo Giấy sang nhượng đất rẫy ngày 1/12/1996 chỉ thể hiện diện tích, loại đất còn các thông tin khác như vị trí, số hiệu, ranh giới đất và việc ông Y H1 Niê bàn giao cho bà C giữ hồ sơ giao đất giao rừng khoán quản lý bảo vệ lô c, đ, d (13), khoảnh 7, tiểu khu C, chủ hộ Y H1 Niê, địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C năm 1994 (bản chính), Bản đồ giao rừng QLBV Tiểu khu 344 không được thể hiện.

Bà C còn cho rằng bà C cho người Dao mượn diện tích đất nêu trên để canh tác, việc cho mượn chỉ bằng miệng với nhau, không có giấy tờ gì. Ý kiến của bà C không được bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận, bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà C cho mượn đất.

Từ năm 2001 đến năm 2006 ông Lý Phụ A là người khai hoang và trồng cây Điều trên đất, không có ai tranh chấp. Năm 2007, ông A cho gia đình cháu họ là vợ chồng ông Lý Hữu P quản lý sử dụng đến năm 2011 chuyển nhượng lại cho gia đình bà L, gia đình bà L quản lý, sử dụng và đã kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2021 bà C mới tranh chấp và yêu cầu bà L trả lại đất.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2023, bà C và bà L đều thừa nhận cây Điều trồng trên diện tích đất đang tranh chấp không phải do bà C và bà L trồng. Tại thời điểm bà L quản lý, sử dụng diện tích đất cây Điều đã cho thu hoạch.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/7/2023, ông Nghiêm Xuân H5 nguyên là Trưởng phòng quản lý và bảo vệ rừng thuộc Lâm trường C là một trong những người ký Hợp đồng kinh tế giao khoán rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ rừng sản xuất kinh doanh số 16 ngày 28/5/1994 và Biên bản bàn giao đất rừng để quản lý bảo vệ rừng ngày 28/5/1994 với ông Y H1 Niê cung cấp thông tin: Tại thời điểm bàn giao cho ông Y H1 Niê là đất rừng đã có cây rừng tự nhiên. Trong quá trình quản lý và bảo vệ rừng ông Y H1 Niê được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng, không được chuyển nhượng cho bất cứ ai. Việc ông Y H1 Niê chuyển nhượng 28 ha đất rừng cho bà Dương Thủy C ngày 01/12/1996 Lâm trường C hoàn toàn không biết, kể từ khi nhận chuyển nhượng bà C không làm

việc với Lâm trường C. Năm 2009, Lâm trường C giải thể và đã bàn giao cho xã E quản lý, toàn bộ hồ sơ liên quan đến Lâm trường C đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã E.

Tại Công văn số 2586/UBND-TNMT ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cung cấp thông tin theo đề nghị của Tòa án thể hiện nội dung: Toàn bộ diện tích 28 ha theo hồ sơ giao đất giao rừng khoán quản lý bảo vệ Lô c, đ, d khoảnh 7, Tiểu khu C (nay là Tiểu khu E), giao cho ông Y H1 Niê quản lý bảo vệ từ năm 1994 đã được đo đạc thành lập bản đồ địa chính, khu vực này nằm trong tờ bản đồ số 13 xã E. Toàn bộ diện tích 28 ha trên nằm trong vùng được chuyển từ đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 08/4/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã đã lập hồ sơ một số thửa trong diện tích 28 ha nêu trên trình Ủy ban nhân dân huyện C và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2015 – 2019, hiện nay Thanh tra Nhà nước huyện C đã có văn bản dừng mọi giao dịch trong toàn bộ diện tích của Tiểu khu E. Toàn bộ diện tích 28 ha, giao cho ông Y H1 Niê quản lý bảo vệ từ năm 1994 nhưng ông Y H1 Niê đã làm giấy sang nhượng viết tay cho một số hộ dân không thông qua chính quyền địa phương.

Như vậy, có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp 7.032,8 m² thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà C, phía Tây giáp đất ông C1, phía Bắc giáp bờ mương, phía Nam giáp bờ mương có nguồn gốc là đất rừng thuộc sự quản lý của Lâm trường C đến khi giải thể thì giao về cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý. Quá trình sử dụng đất, ông Lý Phụ A sử dụng từ năm 2001 đến năm 2006, năm 2007 vợ chồng ông Lý Hữu P quản lý, đến năm 2011 gia đình bà Hoàng Thị L quản lý, sử dụng đất, đến năm 2021 thì chuyển nhượng cho vợ chồng ông C1 quản lý, sử dụng. Bà Dương Thủy C không có chứng cứ chứng minh thửa đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà C và bà C cho người Dao mượn đất canh tác. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thủy C là phù hợp.

Từ những nhận định trên thấy rằng kháng cáo của bà Dương Thủy C không có căn cứ để chấp nhận mà cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Dương Thủy C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thủy C - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

[2]. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thủy C về việc yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 7.032,8 m² thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thủy C phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Dương Thủy C đã nộp xong.

Bà Dương Thủy C phải chịu 4.100.000 đồng tiền chi phí đo đạc, bà Dương Thủy C đã nộp xong.

[4] Về án phí DSST: Bà Dương Thủy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0008068 ngày 21/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[5]. Về án phí DSPT:

Bà Dương Thủy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014603 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện CưM'Gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng